

BÀI: PRESENT SIMPLE (interrogative & short answers) – 2E. GRAMMAR

UNIT 2: EVERY DAY

MÔN: TIẾNG ANH – RIGHT ON! - LỚP 6



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Trả lời câu hỏi phần Present Simple (*interrogative & short answers*) – 2e. Grammar trang 45 Tiếng Anh 6 Right on!

Present Simple (interrogative & short answers)

	interrogative	short answers
singular	Do I/ you work ?	Yes, I/ you do . No, I/ you don't .
	Does he/ she/ it work ?	Yes, he/ she/ it does . No, he/ she/ it doesn't .
plural	Do we/ you/ they work ?	Yes, we/ you/ they do . No, we/ you/ they don't .

A: Do you like History?

(Em có thích Lịch sử không?)

B: Yes, I do.

(Em có ạ?)

C: No, I don't.

(Em không ạ.)

5. Read the table. Choose the correct item. Then complete the answers.

(Đọc bảng. Chọn phương án đúng. Sau đó hoàn thành các câu trả lời.)

1. Do/Does you eat lunch at school? Yes, _____.

2. Do/Does your friends have dinner at 7:00p.m.? No, _____.

3. Do/Does Mary drive to work? Yes, _____.

4. Do/Does he have a shower in the morning? No, _____.

Lời giải chi tiết:

1. Do you eat lunch at school? Yes, I do.

(Bạn có ăn trưa ở trường không? – Mình có.)

2. Do your friends have dinner at 7:00p.m.? No, they don't.

(Bạn bè của bạn có ăn tối lúc 7:00 tối không? - Không, họ không.)

3. **Does** Mary drive to work? Yes, **she does**.

(Mary có lái xe đi làm không? Có, cô ấy có.)

4. **Does** he have a shower in the morning? No, **he doesn't**.

(Anh ấy có tắm vào buổi sáng không? - Không, anh ấy không.)

5. **Do** you and your friends play tennis? No, **they don't**.

(Bạn và bạn bè của bạn có chơi quần vợt không? Không, họ không.)

6. Form questions, then answer them.

(Thành lập câu hỏi, sau đó trả lời.)

1. Mario / like Art? (No)

A: "Does Mario like Art?" - **B:** "No, he doesn't."

(Mario có thích Mỹ thuật không? – Không, anh ấy không.)

2. Sandra/ have Maths on Mondays? (Yes)

3. you / watch TV after dinner? (No)

4. they have lunch at home? (Yes)

5. **Do/Does** you and your friends play tennis? No, _____.

Lời giải chi tiết:

2. Does Sarah have Maths on Mondays. – Yes, she does.

(Sarah có môn Toán vào thứ Hai không? – Cô ấy có.)

3. Do you watch TV after dinner?

(Bạn có xem tivi sau bữa tối không? – Mình không.)

4. Do they have lunch at home? – Yes, they do.

(Họ có ăn trưa ở nhà không? – Họ có.)

7. Fill in the gaps with the Present Simple of these verbs: finish, work, have, not / go, you / get up, watch, you / do, make, play and listen. Then answer the questions.

(Điền vào chỗ trống với thì Hiện tại đơn của các động từ này: finish, work, have, not / go, you / get up, watch, you / do, make, play và listen. Sau đó trả lời các câu hỏi.)

Hi Joshua!

How are you? What time 1) _____ in the morning? I get up at 7:30 and my mum 2) _____ breakfast for me and my sister, Karen. Karen is 21 _____ and she 3) _____ to school. She 4) _____ in a bank. I go to school and my lessons 5) _____ at 3:00. After that I 6) _____ football in the park with my friends. Then, I do my homework. In the evening, I 7) _____ to music and my sister 8) _____ TV. We usually 9) _____ with our parents at 8:00. What 10) _____ every day?

Write back.

Paul

1. Does Paul get up at 8:00? - No, he doesn't. He gets up at 7:30.

(Paul thức dậy lúc 8 giờ à? – Không. Anh ấy thức dậy lúc 7:30.)

2. Does Karen work in a bank?

3. Do Paul's lessons finish at 3:00?

4. Do Paul and Karen have dinner at 9:00?

Lời giải chi tiết:

1. do you get up	2. makes	3. doesn't go	4. works	5. finish
6. play	7. listen	8. watches	9. have	

Hi Joshua!

How are you? What time **do you get up** in the morning? I get up at 7:30 and my mum **makes** breakfast for me and my sister, Karen. Karen is 21 and she **doesn't go** to school. She **works** in a bank. I go to school and my lessons **finish** at 3:00. After that I **play** football in the park with my friends. Then, I do my homework. In the evening, I **listen** to music and my sister **watches** TV. We usually **have** dinner with our parents at 8:00.

What **do you do** every day?

Write back.

Paul

2. Yes, she does.

3. Yes, they do.

4. No, they don't.

Tạm dịch:

Chào Joshua!

Bạn khỏe không? Bạn thức dậy lúc mấy giờ vào buổi sáng? Mình thức dậy lúc 7:30 và mẹ mình làm bữa sáng cho mình và chị gái, Karen. Karen 21 tuổi và chị ấy không đi học. Chị làm việc tại một ngân hàng. Mình đi học và bài học của tôi kết thúc lúc 3:00. Sau đó, mình chơi bóng trong công viên với bạn bè của mình. Sau đó, mình làm bài tập về nhà. Vào buổi tối, mình nghe nhạc và chị gái mình xem TV. Chúng mình thường ăn tối với bố mẹ lúc 8 giờ. Bạn làm gì mỗi ngày?

Viết lại cho mình nhé.

Paul